

Bản án số: 160/2023/HSST
Ngày: 29/11/2023.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÀM THUẬN NAM, TỈNH BÌNH THUẬN
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Quốc Hội.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Dương Hồng Vinh.

2/ Ông Hoàng Văn Tâm.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Phan Thị Hoa – Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Hàm Thuận Nam tỉnh Bình Thuận.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Thuận Nam, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Bắc – Kiểm sát viên.

Ngày 29/11/2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hàm Thuận Nam xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 151/2023/TLST-HS ngày 02 tháng 11 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 139/2023/QĐXXST-HS ngày 15/11/2023, đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Hữu L** - Tên gọi khác: (H); Giới tính: Nam; sinh năm: 1990, tại Bình Thuận; Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở hiện nay: thôn N, xã T, huyện H, tỉnh B; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 07/12; Tiền án, tiền sự: (không có);

- Nhân thân: + Ngày 15/06/2011, bị Tòa án nhân huyện Hàm Thuận Nam, tỉnh Bình Thuận xử phạt 18 tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích” tại bản án số 39/2011/HSST, chấp hành xong bản án ngày 11/05/2012;

+ Ngày 16/05/2013, bị Tòa án nhân huyện Hàm Thuận Nam, tỉnh Bình Thuận xử phạt 18 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” tại bản án số 47/2013/HSST, chấp hành xong bản án ngày 27/06/2014;

+ Ngày 18/07/2016, bị Tòa án nhân huyện Hàm Thuận Nam, tỉnh Bình Thuận xử phạt 03 năm 06 tháng tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” tại bản án số 44/2016/HSST, chấp hành xong bản án ngày 11/02/2019; đến nay đã được xóa án tích.

*** Quan hệ gia đình:** Con ông Nguyễn Văn S (sinh năm: 1960) và bà Hồng Thị H (sinh năm: 1959); gia đình bị cáo có 07 anh chị em, lớn nhất sinh năm 1983, nhỏ nhất

sinh năm 1997, bị cáo là con thứ năm trong gia đình; vợ, con: (không có); Cha mẹ bị cáo cư trú tại thôn N, xã T, huyện H, tỉnh B.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 14/9/2023 cho đến nay. (Bị cáo có mặt tại phiên tòa)

Những người tham gia tố tụng khác:

- **Bị hại:** Ông Lê Tấn H1, sinh năm 1996. Địa chỉ: Thôn N, xã T, huyện H, tỉnh B. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 17 giờ 00 phút, ngày 18/8/2023, Nguyễn Hữu L trên đường đi làm về thì đi ngang qua chòi rẫy của anh Lê Tấn H1 (sinh năm 1996, trú thôn N, xã T, huyện H, tỉnh B). L ghé vào để xin nước uống nhưng không có ai ở trong chòi, phát hiện 01 điện thoại di động hiệu Iphone 11, màu trắng của anh H1 đang sạc pin trên ván gỗ. L nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc điện thoại nên đi đến vị trí để chiếc điện thoại lấy điện thoại cho vào túi quần rồi mang về nhà cất giấu. Đến khoảng 9 giờ sáng ngày 19/8/2023, L đến Công an xã T tự thú và khai nhận hành vi phạm tội, đồng thời giao nộp đã 01 điện thoại di động hiệu Iphone 11, màu trắng (số IMEI 1: 358461428482618; số IMEI 2: 358461428053427).

Tại bản kết luận định giá tài sản số 41/2023-HĐĐG ngày 30/8/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự kết luận: 01 điện thoại di động hiệu Iphone 11, màu trắng (số IMEI 1: 358461428482618; số IMEI 2: 358461428053427) trị giá 7.350.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số 153/CT-VKSHTN-HS ngày 31/10/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Thuận Nam truy tố Nguyễn Hữu L về tội: “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Thuận Nam thực hành quyền công tố luận tội, tranh luận và phát biểu quan điểm xử lý vụ án như sau: Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Thuận Nam giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo Nguyễn Hữu L;

Đề nghị Hội đồng xét xử (HDXX):

Tuyên bố: Nguyễn Hữu L phạm tội: “*Trộm cắp tài sản*”.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 173, điểm s, r khoản 1 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật hình sự.

Đề nghị xử phạt: Nguyễn Hữu L từ 12 tháng tù đến 18 tháng tù.

Về xử lý vật chứng: Ngày 08/09/2023, Cơ quan điều tra đã trả lại 1 điện thoại di động hiệu Iphone 11, màu trắng (số IMEI 1: 358461428482618; số IMEI 2: 358461428053427) cho chủ sở hữu hợp pháp là anh Lê Tấn H1; việc xử lý vật chứng của Cơ quan điều tra là có căn cứ nên không đề cập xử lý.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại là ông Lê Tấn H1 không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm, nên không đề cập xử lý.

Tại phiên tòa, bị cáo thống nhất quan điểm luận tội của Viện kiểm sát, không tranh luận gì thêm, chỉ đề nghị Tòa án xem xét, giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa, bị hại là ông Lê Tấn H1 không có ý kiến tranh luận, không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm, chỉ đề nghị xét xử bị cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Trong quá trình điều tra, truy tố; Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Điều tra viên; Kiểm sát viên đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng.

[2] Về cấu thành tội phạm:

Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, lời khai của bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở xác định:

Bị cáo Nguyễn Hữu L là một công dân có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, bị cáo hoàn toàn nhận thức được việc chiếm đoạt tài sản của người khác là hành vi vi phạm pháp luật. Tuy nhiên, vì lòng tham, muốn có tài sản để phục vụ mục đích cá nhân, bị cáo đã bất chấp các quy định của pháp luật, lợi dụng sự sơ hở của chủ sở hữu tài sản, khoảng 17 giờ ngày 18/08/2023, bị cáo đã vào chòi rẫy của gia đình anh Lê Tấn H1 thuộc thôn N, xã T, huyện H, tỉnh B lén lút chiếm đoạt 01 điện thoại di động hiệu Iphone 11, màu trắng (số IMEI 1: 358461428482618; số IMEI 2: 358461428053427) của anh Lê Tấn H1 có trị giá là 7.350.000 đồng (theo bản kết luận định giá tài sản số 41/2023-HĐĐG ngày 30/8/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự).

Rõ ràng hành vi của bị cáo Nguyễn Hữu L là nguy hiểm cho xã hội, được thực hiện với lỗi cố ý, đã trực tiếp xâm phạm đến tài sản thuộc quyền sở hữu hợp pháp của người khác được pháp luật bảo vệ; gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an ở địa phương, đủ yếu tố cấu thành tội: “*Trộm cắp tài sản*”, tội phạm và khung hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015 như nội dung Cáo trạng đã truy tố và quan điểm của Viện kiểm sát tại phiên tòa là đúng quy định của pháp luật.

[3] Về yếu tố nhân thân, tiền án, tiền sự; tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Bị cáo không có tiền án, tiền sự, tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; tuy nhiên, về nhân thân, bị cáo đã từng 03 lần bị Tòa án nhân huyện Hàm Thuận Nam, tỉnh Bình Thuận đưa ra xét xử, cụ thể: xử phạt 18 tháng về tội “Cố ý gây thương tích” tại bản án số 39/2011/HSST ngày 15/06/2011, chấp hành xong bản án ngày 11/05/2012; xử phạt 18 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” tại bản án số 47/2013/HSST ngày 16/05/2013, chấp hành xong bản án ngày 27/06/2014; xử phạt 03 năm 06 tháng tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” tại bản án số 44/2016/HSST ngày 18/07/2016, chấp hành xong bản án ngày 11/02/2019; đến nay đã được xóa án tích.

Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, sau khi thực hiện tội phạm, bị cáo đã đến Công an xã T tự thú và khai nhận hành vi phạm tội, đồng thời giao nộp tài sản đã chiếm đoạt, đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s, r khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự 2015, do đó, cần áp dụng đối với bị cáo.

[4] Về quyết định hình phạt: Bị cáo đã nhiều lần thực hiện hành vi phạm tội, đã từng 03 lần bị Tòa án đưa ra xét xử về các hành vi phạm tội, bị cáo không lấy đó làm bài học để tu dưỡng rèn luyện cho bản thân mà tiếp tục chiếm đoạt tài sản của người khác tại cùng địa bàn cư trú với bị cáo, nhằm mục đích để sử dụng cá nhân, điều này cho thấy bị cáo không có sự ăn năn hối cải, thể hiện thái độ coi thường pháp luật, gây tâm lý hoang mang, bất an trong đời sống nhân dân, làm ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự, an ninh tại địa phương. Căn cứ vào tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, các yếu tố nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, HĐXX xét thấy cần thiết phải xử phạt bị cáo một mức án nghiêm khắc, tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo, cần phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một khoảng thời gian để cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt cho gia đình và xã hội; đồng thời, góp phần răn đe, giáo dục và phòng ngừa tội phạm trên lĩnh vực trật tự an toàn xã hội nói riêng và phòng ngừa tội phạm nói chung.

[5] Về xử lý vật chứng: Ngày 08/09/2023, Cơ quan điều tra đã trả lại 1 điện thoại di động hiệu Iphone 11, màu trắng (số IMEI 1: 358461428482618; số IMEI 2: 358461428053427) cho chủ sở hữu hợp pháp là anh Lê Tấn H1; việc xử lý vật chứng của Cơ quan điều tra là có căn cứ nên không đề cập xử lý.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại là ông Lê Tấn H1 đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt, không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm, nên không đề cập xử lý.

[7] Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố: Nguyễn Hữu L, phạm tội: “*Trộm cắp tài sản*”.

2. Về hình phạt: Căn cứ khoản 1 Điều 173, điểm s, r khoản 1 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Nguyễn Hữu L 01 (Một) năm 03 (Ba) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị bắt đi thi hành án.

3. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Nguyễn Hữu L phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về kháng cáo: Bị cáo, bị hại có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (29/11/2023).

Nơi nhận:

- Như Điều 262 Bộ luật tố tụng Hình sự.
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Quốc Hội